TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ - PT.
Ngày: 22/3/2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân
Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Thuận và Ông Bằng Công Hiệp.
Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng - Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLPT - HNGĐ ngày 20/12/2018 về việc xin ly hôn. Do bản án ly hôn sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐ - PT ngày 02/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1989;
Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991;
Cùng địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
(anh T, chị L có mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Đặng Văn B, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
2. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1971;
3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Xóm S, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
4. Anh Trần Văn M1, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Xóm S, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(anh B, bà M có mặt, ông Th, anh M1 vắng mặt)
- Người làm chứng:
+ Anh Lê Văn D1, sinh năm 1975. *(vắng mặt)*
Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT
Địa chỉ công ty: khối A, xã P, huyện S, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị L kết hôn hợp pháp năm 2011.

Về con chung: Có hai con chung là Đặng Khánh Đ, sinh ngày 03/2/2012 và Đặng Thị Việt N, sinh ngày 25/5/2014, hiện cháu Đ đang ở cùng với anh T, cháu N đang ở cùng với mẹ.

Về tài sản chung: Theo anh T xác định, vợ chồng có 01 xe máy Dream mang BKS 20F1 049.35 đăng ký mang tên Lê Văn T1 do vợ chồng anh mua lại chưa sang tên (mua từ năm 2015) mua với giá 21.000.000đ.

Về nợ chung: Anh T xác định vợ chồng còn nợ ông Trần Văn Th (bố vợ) 10.000.000đ, anh đề nghị để chị L trả cho tiện, nợ anh Trần Văn M1 20.000.000đ đã trả xong

Về tài sản cho vay: Không có.

Lý do anh T xin ly hôn với chị L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm chăm sóc nhau. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu Đ, chị L nuôi cháu N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: anh nhất trí thanh toán cho chị L giá trị 1/2 giá trị chiếc xe máy.

Ý kiến trình bày của chị Trần Thị L: Nhất trí ý kiến của anh T về quan hệ hôn nhân và con chung. Riêng tài sản, chị L khai vợ chồng có 01 máy múc mua năm 2014 của ông Lê Anh D1 tại huyện Đ, TP. H với giá 420.000.000đ. Tại thời điểm đó anh T, anh B, anh N, anh K là người trực tiếp đi mua, khi mua máy múc anh T đứng tên mua, vợ chồng không đủ tiền mua còn phải nhờ người vay ngân hàng để mua máy, đến nay đã trả xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Đặng Văn B là anh trai anh T khai chiếc máy xúc không phải là tài sản của anh T, chị L mà là của anh mua năm 2014 với giá 410.000.000đ của công ty TT, giám đốc công ty là anh Lê Văn D1, địa chỉ công ty tại huyện S, thành phố H.

Anh Trần Văn M1, xác định anh T và chị L đã trả cho anh khoản nợ 20.000.000đ, do vậy đã có đơn xin rút yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị M, xác định vợ chồng anh T, chị L hiện còn nợ vợ chồng bà 10.000.000đ, khi vợ chồng anh T, chị L ly hôn bà cũng nhất trí để chị L trực tiếp trả cho vợ chồng bà.

Anh Lê Văn D1 xác định: Ngày 27/3/2014 anh có bán chiếc máy đào bánh lốp nhãn hiệu VOLVOL EW55 do Hàn Quốc sản xuất năm 2003 cho anh Đặng Văn T với giá 420.000.000đ. Khi bán anh có viết giấy và đóng dấu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT. Việc anh T có giấy anh viết bán máy cho anh B vào ngày 27/3/2014 là do anh T nói là bán lại máy cho anh B và nhờ tôi viết giấy lại. Anh không biết anh B là ai và không biết anh T nhờ anh viết lại giấy bán máy xúc cho anh B với mục đích gì.

Quá trình giải quyết, chị L đề nghị giám định giấy mua bán máy xúc do anh T xuất trình có chữ B đã có dấu hiệu bị sửa chữa.

Tại Kết luận giám định số 21/KL-PC54 ngày 03/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: "5.1 Có dấu vết sửa chữa tại chữ "B" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A). Nội dung nguyên thủy trước khi bị sửa chữa xác định được là chữ "T.

5.2. Chữ viết "B" so với các chữ viết còn lại không cùng thời điểm viết."

Sau khi hòa giải không thành Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, tại bản án ly hôn sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ -ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Trần Thị L.

Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Khánh Đ, sinh ngày 03/2/2012; Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Thị Việt N, sinh ngày 25/5/2014 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Giao cho anh T sở hữu máy đào bánh lốp nhãn hiệu VOLVOL EW55 do Hàn Quốc sản xuất năm 2003, anh có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho chị L số tiền 156.020.000đ.

Giao cho chị L sở hữu 01 xe máy Dream BKS 20F1 049.35 đăng ký mang tên Lê Văn T1 và số tiền 156.020.000đ do anh T trích chia.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh T và chị L trả khoản nợ 20.000.000đ của anh Trần Văn M1 do anh T đã thanh toán xong. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị M yêu cầu chị L và anh T trả nợ 10.000.000đ do chị M đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đặng Văn B kháng cáo với nội dung chiếc máy xúc là của anh và anh T mỗi người góp 200.000.000đ mua chung, anh T không có tiền phải nhờ bố, mẹ anh vay tiền ngân hàng nay anh T và chị L phải có trách nhiệm trả cho anh 200.000.000đ tiền góp vốn mua chung và trả cho bố mẹ anh tiền để trả nợ Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Văn B kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của anh Đặng Văn B về việc kháng cáo chiếc máy xúc là của anh và anh T mỗi người góp 200.000.000đ mua chung, anh T không có tiền phải nhờ bố, mẹ anh vay tiền ngân hàng nay anh T và chị L phải có trách nhiệm trả cho anh 200.000.000đ tiền góp vốn mua chung và trả cho bố mẹ anh tiền để trả nợ Ngân hàng.

Với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn anh T cung cấp giấy mua bán viết tay (BL55), ngày 27/3/2014 có nội dung ông Lê Văn D1 bán máy xúc cho anh Đặng Văn B, giá 410.000.000đ và một giấy viết tay cùng ngày 27/3/2014, có nội dung ông D1 xác nhận bán cho ông "B", chữ này có sự sửa chữa giấy này có đóng dấu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại TT, do ông Lê Văn D1 làm giám đốc.

Bị đơn, chị L không nhất trí và đề nghị giám định giấy mua bán máy xúc do anh T xuất trình có chữ "B" đã có dấu hiệu bị sửa chữa.

Tại Kết luận giám định số 21/KL-PC54 ngày 03/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: "5.1 Có dấu vết sửa chữa tại chữ "B" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A). Nội dung nguyên thủy trước khi bị sửa chữa xác định được là chữ "T".

5.2. Chữ viết "B" so với các chữ viết còn lại không cùng thời điểm viết.".

Lời khai của người bán là anh Lê Văn D1 khai: Tôi có chiếc máy đào bánh lốp nhãn hiệu VOLVOL EW55 do Hàn Quốc sản xuất năm 2003. Ngày 27/3/2014 tôi bán chiếc máy trên cho anh Đặng Văn T với giá 420.000.000đ. Khi bán tôi có viết giấy và đóng dấu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT. Việc anh T có giấy tôi viết bán máy cho anh B vào ngày 27/3/2014 là do anh T nói là bán lại máy cho anh B và nhờ tôi viết giấy lại. Tôi xác định tôi không biết anh B là ai và không biết anh T nhờ tôi viết lại giấy bán máy xúc cho anh B với mục đích gì.

Tại cấp sơ thẩm anh B khai anh là người mua máy xúc, tại đơn kháng cáo anh B cho rằng anh và anh T mua chung mỗi người 200.000.000đ đồng. Anh T không có tiền nên đã vay của bố, mẹ anh 200.000.000đ, nay anh T phải có trách nhiệm trả cho anh 200.000.000đ tiền góp vốn mua chung và trả cho bố mẹ anh tiền để trả nợ Ngân hàng. Như vậy lời khai của anh B, có sự mâu thuẫn và không phù hợp với tài liệu chứng cứ anh T cung cấp đã được giám định. Lời khai của người làm chứng ông D1 xác nhận ông chỉ bán máy xúc cho anh T, ông không biết anh B là ai, việc ông viết giấy bán cho anh B (BL 55) là do anh T nhờ ông viết và không biết anh T nhờ viết với mục đích gì, cũng phù hợp với kết quả giám định giấy bán ông D1 bán cho anh T ghi ngày 27/3/2014 có đóng dấu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TT.

Do vậy, Tòa sơ thẩm đã xác định chiếc máy xúc là do anh T mua của ông Lê Văn D1 ngày 27/3/2014, là tài sản chung của anh T, chị L là có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Văn B.

[3.] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Đặng Văn B, giữ nguyên bản án ly hôn sơ thẩm số 55/2018/DSST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thái Nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của anh Đặng Văn B. Giữ nguyên bản án ly hôn sơ thẩm số 55/2018/HNGĐ–ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng các Điều 28, 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 29, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Khánh Đ, sinh ngày 03/2/2012; Chị L trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Thị Việt N, sinh ngày 25/5/2014 cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết.

3.Về tài sản chung: Giao cho anh T sở hữu máy đào bánh lốp nhãn hiệu VOLVOL EW55 do Hàn Quốc sản xuất năm 2003, anh có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản cho chị L số tiền 156.020.000 đồng..

Giao cho chị L sở hữu 01 xe máy Dream 20F1 049.35 mang tên Lê Văn T1 và số tiền 156.020.000 đồng do anh T trích chia.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Anh T và chị L trả khoản nợ 20.000.000đ của anh Trần Văn M1 do anh T đã thanh toán xong. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị M yêu cầu chị L và anh T trả nợ 10.000.000 đồng do bà M đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST và 8.599.000đ án phí DSST sung công quỹ nhà nước. (được trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0011320 ngày 12/7/2016 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Chị Trần Thị L phải nộp 8.599.000đ án phí DSST sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M 200.000đ tiền tạm ứng án phí BL số 0011372 ngày 16.5.2016)

Hoàn trả anh Trần Văn M1 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0011371 ngày 16.8.2016.

5.2. Án phí phúc thẩm: Anh Đặng Văn B phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được chuyển từ dự phí sang, theo biên lai 0012460 ngày 10/10/2018 tại Chi cục THADS huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Anh Dân